



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLOG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Xét nghiệm**
Medical Laboratory: **Laboratory Department**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện đa khoa Quốc Tế Hải Phòng**
Organization: **Hai Phong International Hospital**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học**
Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology**
Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Thị Thu Hà**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 128**

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày /12/2025 đến ngày 12/10/2026

Địa chỉ/ Address: **124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng /No.124 Nguyen Duc Canh, Le Chan Ward, Hai Phong city.**

Địa điểm/Location: **124 Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng /No.124 Nguyen Duc Canh, Le Chan Ward, Hai Phong city.**

Điện thoại/ Tel: **0975328102**

Email: **ntth328102@gmail.com**

Website: **www.hih.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 128

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết thanh/ Heparin (Serum/Heparin)	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetic</i>	QTKT.01.SH (2025) (AU5800) QTKT.10.SH (2025) (AU680)
2.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>		QTKT.02.SH (2025) (AU5800) QTKT.11.SH (2025) (AU680)
3.		Định lượng Ure <i>Determination of Ure</i>		QTKT.03.SH (2025) (AU5800) QTKT.12.SH (2025) (AU680)
4.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzym colorimetric</i>	QTKT.04.SH (2025) (AU5800) QTKT.13.SH (2025) (AU680)
5.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>		QTKT.05.SH (2025) (AU5800) QTKT.14.SH (2025) (AU680)
6.		Định lượng GGT <i>Determination of Gamma Glutamyl Transpeptidase (GGT)</i>		QTKT.06.SH (2025) (AU5800) QTKT.15.SH (2025) (AU680)
7.		Định lượng Acid Uric <i>Determination of Uric</i>		QTKT.07.SH (2025) (AU5800) QTKT.16.SH (2025) (AU680)
8.		Định lượng AST <i>Determination of Aspatat transaminase (AST)</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetic</i>	QTKT.08.SH (2025) (AU5800) QTKT.17.SH (2025) (AU680)
9.		Định lượng ALT <i>Determination of Alanin aminotransferase (ALT)</i>	Động học enzym <i>Enzym kinetic</i>	QTKT.09.SH (2025) (AU5800) QTKT.18.SH (2025) (AU680)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 128

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (speciment)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1	Máu toàn phần/ Whole Blood EDTA	Đếm số lượng bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count (WBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electric impedance</i>	QTKT.01.HH (2025) (DxH800) QTKT.05.HH (2025) (DxH900)
2		Đếm số lượng hồng cầu (RBC) <i>Blood cell count (RBC)</i>		QTKT.02.HH(2025) (DxH800) QTKT.06.HH (2025) (DxH900)
3		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>		QTKT.03.HH (2025) (DxH800) QTKT.07.HH (2025) (DxH900)
4		Xác định lượng huyết sắc tố (Hb) <i>Determination of Hemoglobin (Hb)</i>		QTKT.04.HH (2025) (DxH800) QTKT.08.HH (2025) (DxH900)

Ghi chú/ Note:

- QTKT...HH; QTKT...SH : Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp PXN cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*It is mandatory for the Laboratory Department medicine that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

52